

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Bhiu Mlô.

2. Ông Trần Văn Hạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/HS-ST, ngày 26 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Vĩnh H, sinh năm 1982, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1930 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1930. Hiện cha và mẹ bị cáo đang sinh sống tại thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; có vợ là Lê Thị Thanh D, sinh năm 1981. Hiện vợ của bị cáo đang sinh sống tại buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 02/01/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 13/LCCT-TA, ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk - Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu D, sinh năm 1986, tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1955 và bà Hà Thị Bích T, sinh năm 1966; có vợ là Lê Thị Thanh T, sinh năm 1989. Hiện cha mẹ và vợ bị cáo đang sinh sống tại buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và 02, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 02/01/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 18/LCCT-TA, ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk - Có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Ngọc T, sinh năm 1979, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T1 và bà Bùi Thị M, hiện đang sinh sống tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có vợ là Lê Thị B, sinh năm 1985, hiện đang sinh sống tại tại buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 02/01/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 17/LCCT-TA, ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk - Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đức T, sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1964 và bà Cao Thị M, sinh năm 1965, hiện đang sinh sống tại buôn D, xã C, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 02/01/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 14/LCCT-TA, ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk - Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Huy B, sinh năm 1987, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1962 và bà Phan Thị T, sinh năm 1962, hiện đang sinh sống tại buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có vợ là Đặng Thị C, sinh năm 1994, hiện đang sinh sống tại tại buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 02/01/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 15/LCCT-TA, ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk - Có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Văn L, sinh năm 1987, tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Buôn D, xã C, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L1, sinh năm 1964 và bà Trần Thị L, sinh năm 1964, hiện đang sinh sống tại buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 02/01/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 16/LCCT-TA, ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk - Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng Thị L, sinh năm 1978 – vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Đức B, sinh năm 1990 – vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 26/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang tại nhà Trần Vĩnh H (đây là nhà vợ chồng H thuê của bà Đặng Thị L), ở buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk các đối tượng: Nguyễn Huy B, Trần Vĩnh H, Nguyễn Hữu D, Phạm Văn L, Nguyễn Đức T, Phạm Ngọc T cùng trú tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đang đánh bạc bằng hình thức liêng tố, thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền: 7.650.000 đồng, một bộ bài Tú lơ khơ; 01 bốp (ví) da màu nâu bên trong có 01 CMND số 240889468 mang tên Nguyễn Huy B; 01 bốp (ví) da màu đen, bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô số N 763947 mang tên Phạm Ngọc T; 01 chăn vải màu trắng, hồng, xanh, một mặt có thêu nhiều bông hoa, một mặt kẻ sọc, có kích thước 2,1m x 1,6m.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc như sau: Trần Vĩnh H 1.500.000 đồng; Nguyễn Hữu D 1.400.000 đồng; Nguyễn Đức T 1.600.000 đồng; Phạm Ngọc T 900.000 đồng; Phạm Văn L 1.250.000 đồng; Nguyễn Huy B 1.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 7.650.000 đồng.

Vật chứng vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ gồm: Số tiền trên chiếu bạc 7.650.000 đồng; 01 bộ bài Tú lơ khơ; 01 bốp (ví) da màu nâu bên trong có 01 CMND số 240889468 mang tên Nguyễn Huy B; 01 bốp (ví) da màu đen, bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô số N 763947 mang tên Phạm Ngọc T; 01 chăn vải màu trắng, hồng, xanh, một mặt có thêu nhiều bông hoa, một mặt kẻ sọc, có kích thước 2,1m x 1,6m. Ngày 25/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 bốp (ví) da màu nâu và 01 CMND số 240889468 cho Nguyễn Huy B; trả lại 01 bốp (ví) da màu đen và 01 giấy phép lái xe mô tô số N 763947 cho Phạm Ngọc T.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKS, ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố các bị cáo Trần Vĩnh H, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy B, Phạm Ngọc T, Phạm Văn L về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận vào khoảng 22 giờ ngày 26/12/2018, khi các bị cáo đang đánh bạc bằng hình thức liêng tố, thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng tại nhà Trần Vĩnh H thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk bắt quả tang và thu tại chiếu bạc tổng số tiền 7.650.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phân tích, chứng minh các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Vĩnh H, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy B, Phạm Ngọc T, Phạm Văn L phạm tội “Đánh bạc”, và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 65 của Bộ luật hình sự để xử phạt:

+ Bị cáo Trần Vĩnh H từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Đức T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Huy B từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Hữu D từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15 triệu đồng.

+ Bị cáo Phạm Ngọc T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15 triệu đồng.

+ Bị cáo Phạm Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15 triệu đồng.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46, các khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 7.650.000 đồng là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ; 01 chăn vải màu trắng, hồng, xanh, một mặt có thêu nhiều bông hoa, một mặt kẻ sọc, có kích thước 2,1m x 1,6m là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ

cơ sở kết luận vào khoảng 22 giờ ngày 26/12/2018, tại nhà Trần Vĩnh H (đây là nhà vợ chồng H thuê của bà Đặng Thị L), các bị cáo đã tổ chức đánh bạc bằng hình thức liêng tổ, thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng. Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc như sau: Trần Vĩnh H 1.500.000 đồng; Nguyễn Hữu D 1.400.000 đồng; Nguyễn Đức T 1.600.000 đồng; Phạm Ngọc T 900.000 đồng; Phạm Văn L 1.250.000 đồng; Nguyễn Huy B 1.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 7.650.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 50.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội ở địa phương, các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn kiếm tiền nhanh chóng và dễ dàng nên đã cố ý phạm tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo rủ nhau đánh bài, không có sự phân công cảnh giới, không tổ chức thu tiền sâu, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo khi cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng các bị cáo đều cố ý cùng thực hiện tội phạm, vì vậy các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi, hậu quả chung do tội phạm gây ra. Trong vụ án này các bị cáo đều có hành vi phạm tội như nhau không có sự phân định vai trò của từng bị cáo nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm ngang nhau đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; đối với bị cáo Phạm Ngọc T có bố là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huân chương trong kháng chiến chống Mỹ, đây là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ không có tình tiết tăng nặng, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với xã hội không lớn. Xét không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 7.650.000 đồng mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ; 01 chăn vải màu trắng, hồng, xanh, một mặt có thêu nhiều bông hoa, một mặt kẻ sọc, có kích thước 2,1m x 1,6m là công cụ dùng vào việc phạm tội *(có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk)*.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Vĩnh H, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Huy B, Phạm Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Phạm Ngọc T là hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ nên không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lý do trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Vĩnh H, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy B, Phạm Ngọc T, Phạm Văn L phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Phạm Ngọc T), khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Vĩnh H số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huy B số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu D số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn L số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Các biện pháp tư pháp:

Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 7.650.000 đồng mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ; 01 chăn vải màu trắng, hồng, xanh, một mặt có thêu nhiều bông hoa, một mặt kẻ sọc, có kích thước 2,1m x 1,6m là công cụ dùng vào việc phạm tội.

(Các vật chứng trên có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 22/4/2019 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Buk).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc các bị cáo Trần Vĩnh H, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Huy B, Phạm Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Ngọc T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Các bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Anh Thái